CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI SỬ DỤNG THANH TOÁN KHÔNG TIỀN MẶT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

PHẠM THỊ OANH
Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 19/9/2026. Sửa chữa xong 13/10/2026. Duyệt đăng 17/10/2026.

Abstract

Cashless payments are increasingly common among university students, who regularly use digital technologies. This study describes cashless payment practices among students at Hai Duong University and examines their perceptions of factors that may shape their use of these methods. A questionnaire completed by 100 students covered six factors: perceived usefulness, ease of use, security and trust, social influence, facilitating conditions, and promotions and incentives. Responses were summarized using frequencies, percentages, and means. All respondents reported having used at least one cashless payment method, and QR code payments were the most frequently used. Students gave high ratings to facilitating conditions, ease of use, and perceived usefulness. These findings inform recommendations to promote wider and more effective use of cashless payments among students at the university.

Keywords: *Cashless payment, Hai Duong University, payment behavior, QR code payments, university students.*

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình chuyển đổi số, thanh toán không tiền mặt ngày càng phổ biến nhờ sự phát triển của ngân hàng số, mã QR, thẻ ngân hàng và ví điện tử. Đối với sinh viên (SV), phương thức này được sử dụng trong nhiều hoạt động như mua sắm, ăn uống, thanh toán học phí, dịch vụ và chi tiêu cá nhân. Tại Việt Nam, phát triển thanh toán không tiền mặt được Nhà nước quan tâm. Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 đã phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021–2025. Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ tiếp tục tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Hành vi sử dụng của SV có thể liên quan đến nhiều yếu tố như tính hữu ích, tính dễ sử dụng, an toàn và niềm tin, ảnh hưởng xã hội, điều kiện hỗ trợ và khuyến mãi, ưu đãi. Qua các tài liệu được tiếp cận, nghiên cứu tập trung trực tiếp vào SV Trường Đại học Hải Dương còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả thực trạng và tìm hiểu các yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV, cung cấp thêm thông tin thực tiễn cho nhà trường và các đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Mục tiêu, đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng thanh toán không tiền mặt và các yếu tố có liên quan đến hành vi sử dụng của SV Trường Đại học Hải Dương. Cụ thể, nghiên cứu hướng đến ba mục tiêu: (1) mô tả thực trạng sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV thông qua các hình thức và mức độ sử dụng; (2) đánh giá mức độ của một số yếu tố có liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt, gồm tính hữu ích, tính dễ sử dụng, an toàn và niềm tin, ảnh hưởng xã hội, điều kiện hỗ trợ và khuyến mãi, ưu đãi; (3) trên cơ sở kết quả khảo sát, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần khuyến khích SV sử dụng thanh toán không tiền mặt thuận tiện, an toàn và hiệu quả hơn.

Email: uhdoanhpham.edu@gmail.com

2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt và các yếu tố có liên quan đến hành vi này của sinh viên Trường Đại học Hải Dương. Đối tượng khảo sát là SV đang học tập tại Trường Đại học Hải Dương. Đây là nghiên cứu trường hợp (case study) tại Trường Đại học Hải Dương, không nhằm khái quát hóa toàn diện. Về nội dung, nghiên cứu tập trung vào một số hình thức thanh toán không tiền mặt phổ biến như chuyển khoản ngân hàng, thanh toán bằng mã QR, thẻ ngân hàng, ví điện tử và thanh toán không tiếp xúc (NFC). Các yếu tố được khảo sát gồm: tính hữu ích, tính dễ sử dụng, an toàn và niềm tin, ảnh hưởng xã hội, điều kiện hỗ trợ và khuyến mãi, ưu đãi. Về phạm vi không gian, nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Hải Dương. Về thời gian, dữ liệu khảo sát được thu thập trong năm 2026.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, khảo sát 100 SV đang học tại Trường Đại học Hải Dương. Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, tập trung vào các yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV, gồm: tính hữu ích, tính dễ sử dụng, an toàn và niềm tin, ảnh hưởng xã hội, điều kiện hỗ trợ và khuyến mãi, ưu đãi.

- Phương pháp phân tích – tổng hợp lý luận: Thu thập, phân tích và tổng hợp các tài liệu, công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến thanh toán không tiền mặt, hành vi sử dụng dịch vụ và chấp nhận công nghệ. Kết quả tổng hợp được sử dụng làm cơ sở xây dựng nội dung khảo sát và xác định các yếu tố nghiên cứu.

- Phương pháp thống kê mô tả: Dữ liệu khảo sát được tổng hợp và xử lý bằng Microsoft Excel và SPSS thông qua các chỉ tiêu tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình. Kết quả được sử dụng để mô tả thực trạng sử dụng thanh toán không tiền mặt và đánh giá mức độ đồng thuận của SV đối với các yếu tố được khảo sát. Giá trị trung bình (Mean) được diễn giải theo năm mức: 1,00–1,80 là rất thấp; 1,81–2,60 là thấp; 2,61–3,40 là trung bình; 3,41–4,20 là cao; và 4,21–5,00 là rất cao.

3. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm liên quan

Thanh toán không tiền mặt là hình thức thực hiện giao dịch thông qua các phương tiện, dịch vụ thanh toán mà không trực tiếp sử dụng tiền mặt. Các hình thức phổ biến gồm chuyển khoản ngân hàng, thanh toán bằng thẻ, mã QR và ví điện tử. Sự phát triển của công nghệ số và ngân hàng điện tử giúp các phương thức này ngày càng thuận tiện và dễ tiếp cận. Tại Việt Nam, thanh toán không tiền mặt được thúc đẩy trong quá trình chuyển đổi số. Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021–2025 xác định đây là một nội dung quan trọng nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Nghị định số 52/2024/NĐ-CP tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Đối với SV, thanh toán không tiền mặt được sử dụng trong mua sắm, ăn uống, thanh toán dịch vụ, chuyển tiền và các khoản chi tiêu liên quan đến học tập. Trong nghiên cứu này, hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt được hiểu là cách thức và mức độ SV lựa chọn, thực hiện và tiếp tục sử dụng các phương thức thanh toán này, được xem xét qua tần suất sử dụng, mức độ ưu tiên và ý định tiếp tục sử dụng.

3.2. Các yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt

Từ tổng hợp các nghiên cứu trước và đặc điểm sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV, nghiên cứu tập trung vào sáu nhóm yếu tố:

- Tính hữu ích là mức độ SV nhận thấy thanh toán không tiền mặt giúp giao dịch nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm thời gian và phù hợp với nhu cầu chi tiêu. Nhận thức về lợi ích thiết thực có thể liên quan đến xu hướng sử dụng.

- Tính dễ sử dụng phản ánh mức độ thuận tiện, đơn giản khi thực hiện giao dịch. Các ứng dụng ngân hàng, ví điện tử và thanh toán QR có thao tác dễ thực hiện có thể tạo điều kiện để SV lựa chọn và duy trì sử dụng.

- An toàn và niềm tin liên quan đến cảm nhận về bảo mật thông tin, an toàn tài khoản và độ tin cậy

của hệ thống thanh toán. Đây là nội dung đáng quan tâm trong bối cảnh giao dịch điện tử tiềm ẩn các rủi ro về thông tin và gian lận.

- Ảnh hưởng xã hội thể hiện vai trò của bạn bè, người thân và môi trường xung quanh đối với nhận thức, lựa chọn phương thức thanh toán của SV.

- Điều kiện hỗ trợ bao gồm điện thoại thông minh, kết nối Internet, tài khoản ngân hàng, ứng dụng và điểm chấp nhận thanh toán. Điều kiện đầy đủ giúp quá trình giao dịch thuận lợi hơn.

- Khuyến mãi và ưu đãi gồm giảm giá, hoàn tiền, tích điểm và các chương trình ưu đãi. Những lợi ích này có thể gia tăng sự quan tâm và khuyến khích SV sử dụng thanh toán không tiền mặt.

Trên cơ sở sáu nhóm yếu tố trên, nghiên cứu tiến hành khảo sát và mô tả mức độ đánh giá của SV đối với từng nhóm yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt.

3.3. Tổng quan nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu về thanh toán không tiền mặt đã được thực hiện ở nhiều quốc gia, trong đó các mô hình TAM và UTAUT thường được sử dụng để phân tích hành vi chấp nhận công nghệ. Các yếu tố được đề cập phổ biến gồm tính hữu ích, tính dễ sử dụng, ảnh hưởng xã hội, điều kiện hỗ trợ, an toàn, rủi ro và ưu đãi. Trên thế giới, Tusyanah, Wahyudin và Khafid (2021) khảo sát 365 SV Indonesia theo mô hình UTAUT, cho thấy các yếu tố liên quan đến kỳ vọng, ảnh hưởng xã hội và điều kiện hỗ trợ có vai trò trong ý định sử dụng thanh toán không tiền mặt (Tusyanah, T., Wahyudin, A. & Khafid, M., 2021). Wei và cộng sự (2021) nghiên cứu hành vi chấp nhận thanh toán di động bằng mô hình UTAUT mở rộng, nhấn mạnh vai trò của lợi ích, rủi ro và ưu đãi (Wei, M.F., Luh, Y.H., Huang, Y.H. and Chang, Y.C., 2021). Tại Việt Nam, Nguyễn Thị Như Quỳnh và Phạm Thị Ngọc Anh khảo sát 201 SV Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, kết hợp UTAUT với lý thuyết rủi ro cảm nhận, qua đó làm rõ vai trò của yếu tố công nghệ và rủi ro (N. T. N. Quỳnh, P. T. N. Anh, 2021). Đào Thị Minh Hậu và Nguyễn Vân Hà (2021) cho thấy lợi ích, chi phí và ảnh hưởng xã hội có tác động đáng kể đến ý định sử dụng thanh toán di động (Đ. T. M. Hậu, N. V. Hà, 2021). Các nghiên cứu trên là cơ sở để nhận diện các yếu tố liên quan đến hành vi thanh toán không tiền mặt. Tuy nhiên, qua các tài liệu được tiếp cận, chưa tìm thấy nghiên cứu tập trung trực tiếp vào SV Trường Đại học Hải Dương. Đây là khoảng trống để nghiên cứu xem xét sáu yếu tố: tính hữu ích, tính dễ sử dụng, an toàn và niềm tin, ảnh hưởng xã hội, điều kiện hỗ trợ và khuyến mãi, ưu đãi.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Nghiên cứu tiến hành khảo sát 100 SV Trường Đại học Hải Dương. Về giới tính, SV nữ chiếm 61%, trong khi SV nam chiếm 39%. Về năm học, SV năm thứ ba chiếm tỷ lệ cao nhất với 48%, tiếp đến là năm thứ hai 22%, năm thứ tư 21% và năm thứ nhất 9%. Như vậy, mẫu khảo sát có sự tham gia của SV ở cả bốn năm học, trong đó SV năm thứ ba chiếm tỷ lệ cao nhất. Đáng chú ý, 100% SV tham gia khảo sát cho biết đã từng sử dụng ít nhất một hình thức thanh toán không tiền mặt. Kết quả này cho thấy thanh toán không tiền mặt đã trở thành một phương thức quen thuộc đối với nhóm SVđược khảo sát.

Bảng 1: Đặc điểm mẫu khảo sát

STT	Nội dung khảo sát		Số lượng (Frequency)	Tỷ lệ (%) (Percent)
1	Giới tính	Nam	39	39
		Nữ	61	61
		Tổng	100	100
2	Năm học	1	9	9
		2	22	22
		3	48	48
		4	21	21
		Tổng	**100**	**100**

4.2. Thực trạng sử dụng các hình thức thanh toán không tiền mặt của sinh viên Trường Đại học Hải Dương

Kết quả khảo sát cho thấy SV sử dụng nhiều hình thức thanh toán không tiền mặt khác nhau. Trong

đó, thanh toán bằng mã QR là hình thức được sử dụng thường xuyên nhất, chiếm 63%. Chuyển khoản ngân hàng đứng thứ hai với 23%, tiếp đến là ví điện tử 9%, thẻ ngân hàng 3% và thanh toán NFC 2%.

Bảng 2: Thực trạng sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV Trường Đại học Hải Dương

STT	Nội dung khảo sát		Số lượng (Frequency)	Tỷ lệ (%) (Percent)
1	Đã từng sử dụng thanh toán không tiền mặt	Có	100	100
		Chưa	0	0
		Tổng	100	100
2	Hình thức thanh toán sử dụng thường xuyên nhất	Chuyển khoản ngân hàng	23	23
		Thanh toán bằng mã QR	63	63
		Thẻ ngân hàng	3	3
		Ví điện tử	9	9
		Thanh toán không tiếp xúc (NFC)	2	2
		Tổng	100	100

Tỷ lệ sử dụng mã QR cao cho thấy phương thức này có mức độ phổ biến đáng kể trong nhóm SV được khảo sát. Thanh toán QR có ưu điểm là thao tác tương đối đơn giản, có thể thực hiện trực tiếp bằng điện thoại và phù hợp với nhiều giao dịch có giá trị nhỏ trong đời sống hằng ngày. Tỷ lệ chuyển khoản ngân hàng đạt 23% cũng cho thấy tài khoản ngân hàng và ứng dụng ngân hàng điện tử vẫn giữ vai trò quan trọng trong hoạt động thanh toán của SV.

Kết quả trên cho thấy trong phạm vi mẫu khảo sát, các phương thức thanh toán dựa trên điện thoại như QR và chuyển khoản được SV sử dụng tương đối phổ biến. Tuy nhiên, sự khác biệt về tỷ lệ sử dụng giữa các phương thức cũng cho thấy SV có xu hướng lựa chọn phương thức phù hợp với sự thuận tiện và điều kiện sử dụng của bản thân.

4.3. Đánh giá các yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức để đánh giá sáu nhóm yếu tố có liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt. Giá trị trung bình của các nhóm yếu tố được tổng hợp như sau:

Bảng 3: Đánh giá của SV về các yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt

Yếu tố	Ký hiệu	Mean	Mức đánh giá
Điều kiện hỗ trợ	DK	4,38	Rất cao
Tính dễ sử dụng	SD	4,21	Rất cao
Tính hữu ích	HI	4,12	Cao
Khuyến mãi, ưu đãi	KM	3,69	Cao
Ảnh hưởng xã hội	XH	3,52	Cao
An toàn và niềm tin	AT	3,43	Cao

Kết quả cho thấy tất cả các nhóm yếu tố đều có giá trị trung bình từ 3,43 trở lên, tương ứng với mức đánh giá từ cao đến rất cao. Điều này cho thấy SV nhìn nhận khá tích cực về những điều kiện và đặc điểm liên quan đến việc sử dụng thanh toán không tiền mặt.

4.3.1. Điều kiện hỗ trợ

Điều kiện hỗ trợ là nhóm yếu tố có giá trị trung bình cao nhất trong sáu nhóm được khảo sát, đạt 4,38 và thuộc mức rất cao. Kết quả cho thấy SV đánh giá thuận lợi về sự sẵn có của các điều kiện cần thiết cho thanh toán không tiền mặt, như điện thoại thông minh, kết nối Internet, tài khoản ngân hàng và các điểm chấp nhận thanh toán. Điều này phù hợp với thực tế các giao dịch thanh toán của SV thường được thực hiện thông qua các thiết bị và nền tảng số.

4.3.2. Tính dễ sử dụng

Tính dễ sử dụng có giá trị trung bình 4,21, thuộc mức rất cao và đứng thứ hai trong các nhóm yếu tố được khảo sát. Kết quả cho thấy SV tương đối đồng thuận với nhận định rằng các phương thức thanh toán không tiền mặt hiện nay dễ tiếp cận và dễ thực hiện.

Kết quả khảo sát cho thấy SV đánh giá cao sự thuận tiện và đơn giản trong quá trình thực hiện các giao dịch thanh toán không tiền mặt. Đối với SV, sự đơn giản trong thao tác là một đặc điểm thuận lợi, đặc biệt trong các giao dịch thường xuyên như mua đồ ăn, mua sắm hoặc chuyển tiền.

4.3.3. Tính hữu ích

Tính hữu ích đạt giá trị trung bình 4,12, thuộc mức cao. Kết quả cho thấy SV nhận thấy thanh toán không tiền mặt mang lại những lợi ích thiết thực trong quá trình chi tiêu và giao dịch, như tiết kiệm thời gian, hạn chế việc phải mang theo tiền mặt và thuận tiện khi thực hiện giao dịch.

Kết quả này phù hợp với tỷ lệ sử dụng mã QR và chuyển khoản khá cao trong mẫu khảo sát, đồng thời cho thấy tính hữu ích là một nội dung được SV đánh giá tích cực.

4.3.4. Khuyến mãi và ưu đãi

Nhóm khuyến mãi và ưu đãi có giá trị trung bình 3,69, thuộc mức cao. Điều này cho thấy các chương trình giảm giá, hoàn tiền hoặc ưu đãi được SV đánh giá ở mức khá tích cực trong nhóm yếu tố được khảo sát.

Tuy nhiên, giá trị trung bình của yếu tố này thấp hơn điều kiện hỗ trợ, tính dễ sử dụng và tính hữu ích. Kết quả gợi ý rằng khuyến mãi là một yếu tố hỗ trợ, nhưng đối với nhóm SV được khảo sát, sự thuận tiện và khả năng đáp ứng điều kiện sử dụng vẫn được đánh giá cao hơn.

4.3.5. Ảnh hưởng xã hội

Ảnh hưởng xã hội có giá trị trung bình 3,52, thuộc mức cao. Kết quả cho thấy bạn bè, người thân và môi trường xung quanh có liên quan nhất định đến việc sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV.

Ảnh hưởng xã hội được đánh giá ở mức cao, cho thấy bạn bè, người thân và môi trường xung quanh là những nội dung được sinh viên ghi nhận khi xem xét việc sử dụng thanh toán không tiền mặt.

4.3.6. An toàn và niềm tin

An toàn và niềm tin có giá trị trung bình 3,43, thuộc mức cao nhưng là nhóm có giá trị trung bình thấp nhất trong sáu nhóm yếu tố được khảo sát. Kết quả cho thấy SV nhìn nhận tương đối tích cực về mức độ an toàn của thanh toán không tiền mặt. Vì vậy nội dung an toàn và niềm tin cần tiếp tục được quan tâm trong việc sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV.

Trong giao dịch điện tử, người sử dụng có thể đối mặt với các nguy cơ như lộ thông tin tài khoản, mất mã xác thực hoặc bị lừa đảo. Vì vậy, bên cạnh việc phát triển các phương thức thanh toán thuận tiện, việc hướng dẫn SV nhận diện rủi ro và bảo vệ thông tin cá nhân cũng cần được chú trọng.

4.4. Đánh giá hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt

Giá trị trung bình của nhóm hành vi sử dụng đạt 3,78, thuộc mức cao. Kết quả này cho thấy SV có xu hướng sử dụng thanh toán không tiền mặt tương đối thường xuyên, đồng thời có sự ưu tiên nhất định đối với phương thức này trong các giao dịch phù hợp.

Bảng 4: Đánh giá hành vi sử dụng thanh toán không tiền mặt

Yếu tố	Ký hiệu	Mean	Mức đánh giá
Hành vi sử dụng	HV	3,78	Cao

Kết quả 100% SV được khảo sát đã từng sử dụng thanh toán không tiền mặt và tỷ lệ sử dụng mã QR đạt 63% củng cố nhận định trên. Trong phạm vi mẫu khảo sát, thanh toán không tiền mặt là phương thức đã được toàn bộ SV tiếp cận và sử dụng ít nhất một lần, trong đó mã QR là hình thức được lựa chọn thường xuyên nhất. Tuy nhiên, mức Mean của hành vi sử dụng là 3,78, thấp hơn một số yếu tố như điều kiện hỗ trợ, tính dễ sử dụng và tính hữu ích. Điều này cho thấy việc đánh giá cao các đặc điểm của thanh toán không tiền mặt chưa đồng nghĩa với việc tất cả SV đều sử dụng ở mức rất thường xuyên. Hành vi thực tế còn có thể phụ thuộc vào hoàn cảnh giao dịch, thói quen cá nhân và khả năng chấp nhận thanh toán của từng địa điểm.

4.5. Thảo luận chung

Kết quả khảo sát 100 SV Trường Đại học Hải Dương cho thấy sáu nhóm yếu tố được nghiên cứu đều được đánh giá ở mức cao hoặc rất cao, với Mean từ 3,43 đến 4,38. Trong đó, điều kiện hỗ trợ có Mean

cao nhất (4,38), tiếp đến là tính dễ sử dụng (4,21) và tính hữu ích (4,12). Kết quả cho thấy trong phạm vi mẫu khảo sát, SV đánh giá tích cực về khả năng tiếp cận phương tiện thanh toán, sự thuận tiện trong thao tác và lợi ích thực tế của thanh toán không tiền mặt. Khuyến mãi, ưu đãi có Mean 3,69 và ảnh hưởng xã hội có Mean 3,52, đều thuộc mức cao. An toàn và niềm tin có Mean thấp nhất trong sáu nhóm yếu tố (3,43), nhưng vẫn ở mức cao. Điều này cho thấy vấn đề an toàn, bảo mật và sự tin tưởng khi giao dịch vẫn là nội dung cần được quan tâm trong quá trình sử dụng thanh toán không tiền mặt của SV. Kết quả nghiên cứu có sự tương đồng về các nhóm yếu tố được xem xét với nghiên cứu của Tusyanah và cộng sự (2021) về ý định sử dụng ví điện tử của SV theo mô hình UTAUT, trong đó có các nội dung về ảnh hưởng xã hội và điều kiện hỗ trợ. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Quỳnh và Phạm Thị Ngọc Anh (2021) cũng xem xét các yếu tố như tính hữu ích, tính dễ sử dụng, ảnh hưởng xã hội, bảo mật và khuyến mãi trong nghiên cứu về thanh toán di động. Các nghiên cứu trước sử dụng những phương pháp phân tích suy luận như SEM-PLS hoặc các kỹ thuật kiểm định mô hình, trong khi nghiên cứu hiện tại chủ yếu sử dụng thống kê mô tả. Vì vậy, sự tương đồng được đề cập ở đây chủ yếu là về các nhóm yếu tố được lựa chọn để khảo sát, không nhằm so sánh mức độ tác động giữa các nghiên cứu.

Bên cạnh đó, hành vi sử dụng có Mean 3,78, thuộc mức cao; 100% SV trong mẫu đã từng sử dụng thanh toán không tiền mặt, trong đó mã QR là hình thức được sử dụng thường xuyên nhất. Do nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả trên 100 SV tại một trường đại học, kết quả chủ yếu phản ánh đặc điểm của mẫu khảo sát, không nhằm xác định quan hệ nhân quả hay khái quát hóa cho toàn bộ SV.

5. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu khảo sát 100 SV Trường Đại học Hải Dương nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng thanh toán không tiền mặt và xem xét các yếu tố có liên quan đến hành vi sử dụng. Kết quả cho thấy thanh toán không tiền mặt đã được sử dụng phổ biến trong nhóm SV khảo sát, trong đó thanh toán bằng mã QR là hình thức được lựa chọn thường xuyên nhất. Các nhóm yếu tố được khảo sát đều được SV đánh giá ở mức cao hoặc rất cao, trong đó điều kiện hỗ trợ và tính dễ sử dụng được sinh viên đánh giá ở mức rất cao. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

Một là, nhà trường cần tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn SV sử dụng các phương thức thanh toán không tiền mặt an toàn, đồng thời nâng cao nhận thức về bảo mật thông tin và phòng tránh các hình thức gian lận trong giao dịch trực tuyến.

Hai là, các ngân hàng và đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán cần tiếp tục cải thiện tính an toàn, độ tin cậy và sự thuận tiện của dịch vụ; đồng thời xây dựng các chương trình ưu đãi phù hợp với nhu cầu và khả năng chi tiêu của SV.

Ba là, SV cần chủ động nâng cao kiến thức về thanh toán số, thực hiện giao dịch trên các nền tảng uy tín, bảo mật thông tin cá nhân và hình thành thói quen kiểm tra giao dịch nhằm hạn chế rủi ro.

Nhìn chung, việc nâng cao tính thuận tiện đi đôi với bảo đảm an toàn và củng cố niềm tin sẽ góp phần thúc đẩy sinh viên sử dụng thanh toán không tiền mặt hiệu quả, an toàn và bền vững.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2024). *Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt*.

Đ. T. M. Hậu, N. V. Hà (2021). Nghiên cứu các nhân tố tác động tới ý định sử dụng dịch vụ thanh toán di động dựa trên phân tích lợi ích – chi phí và ảnh hưởng xã hội. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, số 141, tr. 62–79.

Đ. H. Linh (2023). *Giáo trình Tài chính cá nhân*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

T. N. Quỳnh, P. T. N. Anh (2021). Các yếu tố tác động đến hành vi sử dụng dịch vụ thanh toán di động - nghiên cứu trường hợp sinh viên tại Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, số 235, tr. 37–51.

P. H. Nghị, B. N. Quang và Đ. H. Nam (2024). Đo lường trình độ dân trí tài chính của sinh viên Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 328, tr. 53-62.

Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025*.

Tusyanah, T., Wahyudin, A. & Khafid, M. (2021). Analyzing Factors Affecting the Behavioral Intention to Use e-Wallet with the UTAUT Model with Experience as Moderating Variable. *Journal of Economic Education*, Vol. 10 No. 2, pp. 113-123.

Wei, M.F., Luh, Y.H., Huang, Y.H. and Chang, Y.C. (2021). Young Generation's Mobile Payment Adoption Behavior: Analysis Based on an Extended UTAUT Model. *Journal of Theoretical and Applied Electronic Commerce Research*, Vol. 16, No. 4, pp. 618-637.